

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 58/2024/HS-ST

Ngày 05 - 9 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Bích Nga

Các hội thẩm nhân dân: Ông Giàng A Chính và ông Lý Chí Sung

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Lực - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên toà: bà Bùi Thị Tính, Kiểm sát viên.

Ngày 05/9/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 55/2024/TLST-HS ngày 19 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2024/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 8 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trần Văn S**; Tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 12/12/1994, tại tỉnh Lai Châu; Nơi cư trú: Bản Căng Đẳng, xã S, thành phố L, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 6/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Giáy; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông Trần Văn C, sinh năm 1967 và bà Lù Thị H, sinh năm 1968; Vợ: Vàng Thị T, sinh năm 1997; có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2019; Bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Tiền sự: không; Tiền án: không;

Bị cáo tự thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/3/2024 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố L (có mặt).

2. Họ và tên: **Lìu Văn M**; Tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 01/4/2000, tại tỉnh Lai Châu; Nơi cư trú: Bản G, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Giáy; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông Lìu Văn T, sinh năm 1976 và Vây Thị S, sinh năm 1976; Vợ, con: Chưa có; Bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Tiền sự: không; Tiền án: 01 tiền án. Tại bản án số 45/2021/HS-ST ngày 01/9/2021 Lìu Văn M bị Tòa án nhân dân thành phố L xử phạt 02 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Ngày 16/5/2023 M đã chấp hành xong hình phạt và đã nộp án phí nhưng tính đến thời điểm phạm tội mới ngày 15/3/2024 Lìu Văn M chưa được xóa án tích.

Bị cáo tự thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/3/2024 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố L (có mặt).

- Những bị hại:

+ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1985; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Nơi cư trú: tổ 23, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt có lý do).

+ Ông Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1972; Nghề nghiệp: Tự do; Nơi cư trú: tổ 6, phường Q, thành phố L, tỉnh Lai Châu (vắng mặt có lý do).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Bùi Tiến Th, sinh năm 1984; Nghề nghiệp: Tự do; Nơi cư trú: Tổ 6, phường Q, thành phố L (vắng mặt có lý do).

+ Bà Kim Thị H, sinh năm 1981; Nghề nghiệp: Buôn bán phế liệu; Nơi cư trú: tổ 3, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu (có mặt);

+ Ông Dầu Văn D, sinh năm 1985; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Nơi cư trú: Bản G, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu (vắng mặt có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Khoảng 18 giờ ngày 14/3/2024, Lìu Văn M điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen, biển kiểm soát (BKS): 25B1 - 037.89 của Dầu Văn D, sinh năm 1985, trú tại bản Bản Giang, xã Bản Giang, huyện T, tỉnh Lai Châu (*M mượn xe để đi chơi*) đến đón Trần Văn S đang làm thuê tại xã Bản Hòn, huyện T về nhà S tại bản Căng Đẳng, xã S, thành phố L. Trên đường về, S rủ M buổi tối cùng nhau đi lên thành phố L tìm tài sản sở hữu để trộm cắp, M đồng ý. Khoảng 00 giờ ngày 15/3/2024, M điều khiển xe mô tô BKS: 25B1 - 037.89 đến đón S và chở S đến thành phố L để trộm cắp tài sản. Khoảng 01 giờ cùng ngày, khi M và S đi qua nhà bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1985, trú tại tổ 23, phường Đông Phong, thành phố L thì thấy có 01 gầu máy xúc tự chế bằng kim loại của bà N đang để trên vỉa hè gần nhà bà N nên M và S đã lấy trộm chiếc gầu máy xúc nói trên bê lên xe mô tô chở đến quán thu mua sắt vụn của vợ chồng bà Kim Thị H, sinh năm 1981 và ông Tô Hữu C, sinh năm 1978, tại tổ 3, phường Đ, thành phố L để tiêu thụ. Khi M và S chở gầu máy xúc đến quán thu mua sắt vụn của bà H thì quán không mở cửa nên M đã lấy sim điện thoại có số 0869.409.810 (*sim điện thoại do Lìu Văn Th, sinh ngày 24/4/1995, trú tại bản Bản Giang, xã Bản Giang, huyện T, tỉnh Lai Châu cho M sử dụng*) lắp vào điện thoại của S rồi gọi vào số điện thoại 0346.426.122 ghi ở biển hiệu trước cửa quán nhưng bà Hạnh không mở cửa mà hẹn M đến sáng quay lại. M và S bê chiếc gầu máy xúc để trước cửa quán của bà H rồi lại tiếp tục điều khiển xe mô tô đi tìm tài sản để trộm cắp. Khoảng 03 giờ cùng ngày, M và S đi đến khu vực quán sửa chữa điện tử - điện lạnh của ông Bùi Tiến Th, sinh năm 1984, tại số nhà 459, đường Trần Hưng Đạo, Tổ 6, phường Q, thành phố L thì thấy 01 lõi mô tơ và 02 vỏ mô tơ (*không rõ đặc điểm, chủng loại*) của ông Th đang để trên vỉa hè trước quán nên đã lấy trộm 01 lõi mô tơ và 02 vỏ mô tơ nói trên đem đến để trước quán của bà H rồi tiếp tục đi tìm tài sản để trộm cắp. Khoảng 03 giờ 40 phút cùng ngày, M và S đi đến nhà ông Nguyễn Ngọc N,

sinh năm 1972, tại ngách 011, ngõ 506, đường Trần Hưng Đạo, tổ 6, phường Q, thành phố L thì thấy 01 lồng sắt chuyên chở lợn của ông N đang để trước cửa nhà nên đã lấy trộm chiếc lồng sắt nói trên đem đến để ở trước cửa quán của bà H. Đến khoảng 05 giờ cùng ngày, bà H ngủ dậy và mua toàn bộ gầu máy xúc, lõi mô tơ, vỏ mô tơ, lồng sắt chở động vật do M, S đem đến bán với giá 1.700.000 đồng nhưng bà H không biết những tài sản này là do M và S trộm cắp mà có. Sau khi nhận được 1.700.000 đồng do bán tài sản trộm cắp mà có, M lấy 950.000 đồng còn S lấy 750.000 đồng và cả hai đã tiêu xài cá nhân hết.

Hồi 07 giờ 05 phút ngày 24/3/2024 bị hại Nguyễn Thị N, sinh năm 1985, trú tại tổ 23, phường Đ, thành phố L đến trình báo sự việc tại Công an phường Đông Phong, thành phố L, tỉnh Lai Châu. Sau đó Công an phường Đông Phong đã chuyển nguồn tin đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L để điều tra theo thẩm quyền. Đến ngày 25/3/2024, mặc dù Cơ quan điều tra chưa phát hiện Lìu Văn M và Trần Văn S đã thực hiện các hành vi trộm cắp trên nhưng M và S đã nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của mình là vi phạm pháp luật nên đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L tự thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

- Tại các bản Kết luận định giá tài sản số 35 ngày 27/3/2024 và số 54 ngày 17/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - UBND thành phố L, kết luận:

01 (một) gầu máy xúc bằng kim loại sắt, gầu được gia công, chế tạo, sử dụng từ ngày 13/3/2019 đến thời điểm định giá là ngày 15/3/2024 có giá trị là: 16.800.000 đồng (*Mười sáu triệu tám trăm nghìn đồng*).

01 (một) lồng kim loại hình trụ có chiều dài tổng thể 1m, kích thước hai mặt đáy lần lượt là Ø 46cm và Ø 16cm, lồng được cấu tạo từ các thanh kim loại Ø 0,5cm, một mặt bên của lồng được làm phẳng và gắn một tấm kim loại kích thước 59x78cm bên trong, loại lồng tự chế chuyên chở động vật, tại thời điểm định giá là ngày 15/3/2024 có giá trị là: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

- Tại bản Thông báo định giá số 74, ngày 19/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản theo tố tụng hình sự thành phố L: Từ chối thực hiện định giá tài sản đối với 01 lõi mô tơ và 02 vỏ mô tơ theo Yêu cầu định giá tài sản số 932B/YC-CSĐT ngày 11/6/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L. Lý do từ chối: Hồ sơ, tài liệu cung cấp không đầy đủ.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành các biện pháp điều tra nhưng không thu giữ được 01 lõi mô tơ và 02 vỏ mô tơ mà M và S lấy trộm của ông Bùi Tiến Thành do bà Kim Thị H đã bán cho một người thu mua sắt vụn lạ mặt, không rõ nhân thân lai lịch. Bản thân ông Thành, M, S, bà Hạnh đều không có giấy tờ tài liệu gì và không nhớ được đặc điểm của 01 lõi mô tơ và 02 vỏ mô tơ nói trên nên Cơ quan điều tra không có căn cứ định giá để xác định trị giá tài sản và truy cứu trách nhiệm hình sự đối với M, S về lần trộm cắp này.

Tại phiên tòa:

- Bị hại bà Nguyễn Thị N trong quá trình điều tra và đơn xin xét xử vắng mặt đều trình bày: Bà là chủ sở hữu hợp pháp một gầu máy xúc bằng kim loại sắt, gầu được gia công, chế tạo. Bà nhất trí với kết luận định giá tài sản có giá trị là: 16.800.000 đồng (*Mười sáu triệu tám trăm nghìn đồng*). Bà yêu cầu hai bị cáo phải bồi thường cho bà số tiền 16.800.000 đồng, ngoài ra bà không yêu cầu gì khác, về trách nhiệm hình sự bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Bị hại ông Nguyễn Ngọc N trong quá trình điều tra và đơn xin xét xử vắng mặt đều trình bày: ông là chủ sở hữu hợp pháp một lồng kim loại hình trụ được gia công là lồng đựng lợn. Ông nhất trí với kết luận định giá có giá trị là: 300.000 đồng, ông đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và ông không yêu cầu bị cáo các phải bồi thường. Về trách nhiệm hình sự ông đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Tiến Th vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong giai đoạn điều tra, truy tố điều khai, lời khai phù hợp với lời khai của các bị cáo và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Ông Th nhất trí về việc cơ quan nhà nước không định giá được tài sản của ông do bà H đã bán. Trong đơn xin xét xử vắng mặt, ông không yêu cầu các bị cáo bồi thường giá trị 01 lõi mô tơ và 02 vỏ mô tơ là 5.000.000 đồng nữa, ngoài ra ông cũng không yêu cầu hai bị cáo phải bồi thường gì thêm.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Kim Thị H trình bày tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra, truy tố và phù hợp với lời khai của bị cáo cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bà H không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì, về trách nhiệm hình sự, bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Dầu Văn D vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong giai đoạn điều tra và tại đơn xin xét xử vắng mặt đều trình bày: Ông D là chủ sở hữu hợp pháp của xe mô tô biển kiểm soát 25B1 - 037.89, ngày 14/3/2024 ông D có cho Lìu Văn M mượn xe với lý do để đi chơi, ông D hoàn toàn không biết việc M sử dụng xe mô tô vào thực hiện hành vi phạm tội và ông có đề nghị cơ quan chức năng trả lại cho ông D chiếc xe mô tô nêu trên và không có yêu cầu gì thêm.

- Tại bản Cáo trạng số 37/CT-VKSTP ngày 19/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L đã truy tố các bị cáo Trần Văn S, Lìu Văn M về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L trong phần tranh luận giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Trần Văn S, Lìu Văn M phạm tội "Trộm cắp tài sản" và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với Lìu Văn M, đề nghị xử phạt bị cáo từ 15 tháng đến 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Thời hạn tù tính từ ngày 25/3/2024; Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với Trần Văn S, đề nghị xử phạt bị cáo từ 10 tháng đến 13 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Thời hạn tù tính từ ngày 25/3/2024.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật dân sự. Buộc các bị cáo liên đới có trách nhiệm bồi thường cho bị hại bà Nguyễn Thị Nga số tiền 16.800.000 đồng, trong đó mỗi bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường số tiền là 8.400.000 đồng; Ông Nguyễn Ngọc N, bà Kim Thị H, ông Bùi Tiến Thành đều không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không đề nghị xem xét.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 BLHS, điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS: Trả lại cho ông Dầu Văn D 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Sirius, màu đen bạc, biển kiểm soát 25B1 - 037.89 và 01 đăng ký xe mô tô số 006992.

Về án phí: Các bị cáo Lìu Văn M, Trần Văn S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS, điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, kính mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo sớm trở về với xã hội, gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và xét xử tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm vấn công khai, tranh tụng tại phiên tòa, có đủ căn cứ kết luận: Lợi dụng sơ hở của các chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, trong khoảng thời gian từ 01 giờ đến 03 giờ ngày 15/3/2024, Trần Văn S và Lìu Văn M đã 02 lần liên tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố L với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt được là 17.100.000 đồng, cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 15/3/2024, tại tổ 23, phường Đông Phong, thành phố L, Trần Văn S và Lìu Văn M đã cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc gầu máy xúc của Nguyễn Thị Nga có tổng giá trị là 16.800.000 đồng.

Lần thứ hai: Khoảng 03 giờ ngày 15/3/2024, tại tổ 6, phường Quyết Tiến, thành phố L, Trần Văn S và Lìu Văn M tiếp tục cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp 01 lồng sắt (loại lồng nhốt động vật) của anh Nguyễn Ngọc N có trị giá 300.000 đồng.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội, trong đó Trần Văn S có vai trò là người khởi xướng, người thực hành còn Lìu Văn M là người thực hành.

Hành vi nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, có tính chất ít nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp bảo vệ, gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Các bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích cá nhân nên vẫn cố ý thực hiện. Các bị cáo là người có đủ năng lực pháp luật để chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội mà mình đã gây ra. Do đó, hành vi nêu trên của bị cáo Trần Văn S, Lìu Văn M đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Điều luật quy định:

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L đã truy tố các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Nhân thân: Bị cáo Trần Văn S có nhân thân tốt; bị cáo Lìu Văn M có nhân thân xấu.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Các bị cáo đều tự thú hành vi phạm tội của mình tại cơ quan CSĐT Công an thành phố L và bị hại ông Nguyễn Ngọc N xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng cho các bị cáo. Ngoài ra bị cáo Trần Văn S phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lìu Văn M có 01 tiền án theo bản án số 45/2021/HS-ST ngày 01/9/2021 Lìu Văn M bị Tòa án nhân dân thành phố L xử phạt 02 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Ngày 16/5/2023 M đã chấp hành xong hình phạt và đã nộp án phí nhưng tính đến thời điểm phạm tội mới ngày 15/3/2024 Lìu Văn M chưa được xóa án tích. Do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo Trần Văn S không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy

định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự. Để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, nhằm răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Cần áp dụng một mức hình phạt nghiêm khắc hơn đối với bị cáo M, bản thân bị cáo đã từng bị Tòa án nhân dân xét xử, đã được cải tạo, giáo dục nhưng không lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho bản thân mà vẫn tiếp tục cố ý phạm tội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo là lao động tự do không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về vật chứng của vụ án:

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Sirius, màu đen bạc, biển kiểm soát 25B1 - 037.89 và 01 đăng ký xe mô tô số 006992. Xét thấy đây là tài sản hợp pháp của ông Dầu Văn D, bị cáo M sử dụng trái phép vào mục đích phạm tội mà ông D không biết nên cần trả lại cho ông Dầu Văn D theo quy định tại khoản 2 Điều 47 BLHS, điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS.

Đối với 01 chiếc lồng cầu tạo bằng kim loại, hình trụ, loại lồng tự chế chuyên trở động vật do bà Kim Thị H giao nộp, trong gia đoạn điều tra đã được trả lại cho ông Nguyễn Ngọc N; Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu Sam sung Galaxy A04 màu đen, có ốp nhựa màu đen xanh, số IMEI 1: 353503960899207, số IMEI 2: 354811670899204; điện thoại có lắp 01 thẻ sim số: 0346.426.122, điện thoại cũ đã qua sử dụng thu giữ của bà Kim Thị H. Kết quả điều tra xác định bà Hạnh không sử dụng điện thoại vào hành vi phạm tội nên trong gia đoạn điều tra đã được trả lại cho bà Hạnh. Xét thấy việc trả lại các đồ vật, vật chứng nêu trên không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên HĐXX không đề cập xử lý.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Nguyễn Thị Nga yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 16.800.000 đồng. Tại phiên tòa các bị cáo nhất trí mức bồi thường theo yêu cầu của bà Nga. Vì vậy có đủ cơ sở buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho bà Nga 16.800.000 đồng (trong đó mỗi bị cáo phải bồi thường 8.400.000đồng) là đảm bảo theo quy định tại các Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật dân sự và khoản 1 Điều 48 BLHS.

Bị hại ông Nguyễn Ngọc N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Dầu Văn D, ông Bùi Tiến Thành đều không yêu cầu bị cáo bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Đối với đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[8] Những vấn đề khác của vụ án:

Trong ngày 15/3/2024, các bị cáo Trần Văn S và Lìu Văn M đã ba lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, trong đó có 01 lần lấy trộm 01 lõi mô tơ và 02 vỏ mô tơ của ông Bùi Tiến Th. Cơ quan điều tra đã tiến hành hết các biện pháp điều tra nhưng không có căn cứ định giá để xác định trị giá của 01 lõi mô tơ và 02 vỏ mô tơ nói trên nên không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo về lần trộm cắp này.

Các bị cáo Trần Văn S và Lìu Văn M đã 02 lần liên tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 15/3/2024 bị truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng chỉ có 01 lần chiếm đoạt tài sản là trên 2.000.000 đồng nên các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên”.

Đối với việc bà Kim Thị H mua những tài sản do các bị cáo Trần Văn S và Lìu Văn M trộm cắp mà có: Quá trình điều tra xác định khi bà Hạnh mua tài sản của các bị cáo đem đến bán thì H không biết những tài sản này là do trộm cắp mà có được nên bà H không phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Đối với ông Tô Hữu C, là đồng sở hữu quán thu mua sắt vụn với bà Kim Thị H. Quá trình điều tra xác định việc mua bán tài sản giữa bà H với các bị cáo thì ông C không tham gia, ông C cũng không biết những tài sản S và M đem đến bán là do trộm cắp mà có nên ông C không phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Đối với Dầu Văn D, là chủ sở hữu hợp pháp xe mô tô biển kiểm soát 25B1 - 037.89 mà Trần Văn S và Lìu Văn M sử dụng để đi trộm cắp tài sản: Quá trình điều tra xác định Lìu Văn M mượn xe Dầu Văn D làm phương tiện đi chơi, sau đó M tự ý sử dụng phương tiện thuộc quyền sở hữu của D để thực hiện hành vi phạm tội thì D không biết nên D không đồng phạm với các bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Đối với ông Lìu Văn Th chủ thuê bao điện thoại có số 0869.409.810: Quá trình điều tra xác định số thuê bao điện thoại trên đăng ký tên ông Th nhưng ông Th cho bị cáo Lìu Văn M sử dụng liên lạc nhưng không biết bị cáo sử dụng để gọi điện cho bà H để bán tài sản trộm cắp nên ông Th không phạm tội.

[9] Về án phí:

Theo quy định tại Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cụ thể là: $(8.400.000 \times 5\%) = 420.000$ đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn S, Lìu Văn M phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

[2] Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lìu Văn M: Xử phạt bị cáo Lìu Văn M 16 (mười sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/3/2024.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Văn S: Xử phạt bị cáo Trần Văn S 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/3/2024.

[3] Về xử lý vật chứng:

Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho ông Dầu Văn D: 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Sirius, màu đen bạc, biển kiểm soát 25B1 - 037.89 và 01 đăng ký xe mô tô số 006992 được lưu trong hồ sơ vụ án.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng vào hồi 16 giờ 00 phút ngày 22/7/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố L, tỉnh Lai Châu với Chi Cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lai Châu).

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật dân sự: Buộc các bị cáo Lìu Văn M, Trần Văn S có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại bà Nguyễn Thị Nga số tiền 16.800.000 đồng (*Mười sáu triệu tám trăm nghìn đồng chẵn*). Trong đó mỗi bị cáo phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị Nga số tiền 8.400.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trong trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và Điều 9, Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5] Về án phí:

- Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 420.000 đồng (*Bốn trăm hai mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[6] Về quyền kháng cáo:

Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại bà Nguyễn Thị Nga, ông Nguyễn Ngọc N được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tiến Thành, bà Kim Thị H, ông Dầu Văn D có quyền kháng cáo phần bản án liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND thành phố L;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Cơ quan CSĐT Công an thành phố L;
- Cơ quan THAHS Công an thành phố L;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố L;
- Chi cục THADS thành phố L;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bích Nga

